

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH-
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 15/5/2025

Về việc: “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH- TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Danh Đẹp**

2. Ông **Nguyễn Văn Kiện**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Danh Lý Khang**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kiều Hoa**- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2025/QĐXX-ST, ngày 01 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 24/4/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 19...

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện G, tỉnh K.

2. Bị đơn: Ông **La Thanh N**, sinh năm 19...

Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn M, huyện C, tỉnh K.

(Tại phiên tòa, bà N có mặt, ông N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 28/02/2025 của bà Nguyễn Thị N, bản tự khai của bà Nguyễn Thị N, hồ sơ vụ án, vụ án có nội dung như sau:

** Bà Nguyễn Thị N trình bày:*

Sau thời gian tự nguyện tìm hiểu, tôi cùng ông La Thanh N đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào ngày 29/4/2006 âm lịch tại nhà của tôi ở ấp H, xã T, huyện G, tỉnh K, không có tổ chức lễ cưới bên gia đình của ông La Thanh N do bên gia đình tôi bắt rở, chúng tôi không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình chung sống, tôi và ông N có một người con chung là Nguyễn Thị Tuyết Nhi, sinh ngày 26/01/2007, không có tài sản chung, không có nợ chung.

Thời gian đầu chung sống vợ chồng thì chúng tôi hạnh phúc, nhưng khi tôi sinh cháu Tuyết Nhi được 1,5 tháng tuổi thì ông La Thanh N tự ý bỏ về nhà cha mẹ

ruột của ông N ở khu phố M, thị trấn M, huyện C, tỉnh K, không quan tâm gì đến tôi và bé Tuyết Nhi nên chúng tôi đã ly thân từ đó cho đến nay. Sau đó thì ông La Thanh N đã lập gia đình với người khác.

Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông La Thanh N. Ngoài ra tôi không yêu cầu gì thêm.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông La Thanh N theo quy định của pháp luật nhưng ông La Thanh N không hợp tác nên Tòa án không thu thập được lời khai của ông La Thanh N.

* *Tại phiên tòa*, bà Nguyễn Thị N vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày, yêu cầu nêu trên.

* *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa*: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng (nguyên đơn) trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo trình tự thủ tục pháp luật tố tụng quy định. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị N và ông La Thanh N là vợ chồng, không xem xét về con chung, tài sản chung và nợ chung giữa bà Nguyễn Thị N và ông La Thanh N do bà Nguyễn Thị N không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị N và ông La Thanh N thiết lập quan hệ vợ chồng vào năm 2006. Do phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nên ngày 28/02/2025, bà Nguyễn Thị N khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang yêu cầu được ly hôn với ông La Thanh N; Ông La Thanh N có hộ khẩu thường trú và hiện nay vẫn cư trú, sinh sống tại khu phố M, thị trấn M, huyện C, tỉnh K. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông La Thanh N không có yêu cầu phản tố. Do đó, Tòa án xác định đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo các quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

1.2. Về việc vắng mặt ông La Thanh N tại phiên tòa: Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01/4/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 24/4/2025 cho ông La Thanh N theo quy định của pháp luật, ông La Thanh N vẫn vắng mặt phiên tòa không có lý do chính đáng, được sự thống nhất của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa và bà Nguyễn Thị N, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông La Thanh N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N:

2.1. Về hôn nhân:

Xét rằng: Tuy ông La Thanh N không cung cấp bản tự khai cho Tòa án, nhưng theo các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả xác minh của Tòa án thể hiện: Ông La Thanh N có hộ khẩu thường trú và hiện nay vẫn cư trú, sinh sống tại khu phố M, thị trấn M, huyện C, tỉnh K; bà Nguyễn Thị N và ông La Thanh N thiết lập quan hệ vợ chồng vào năm 2006, có tổ chức lễ cưới tại nhà của cha mẹ bà N ở ấp H, xã T, huyện G, tỉnh K nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật; bà Nguyễn Thị N và ông La Thanh N có một người con chung là Nguyễn Thị Tuyết Nhi, sinh ngày 26/01/2007 đang do bà Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không có tài sản chung và không có nợ chung; bà N và ông N đã ly thân với nhau từ khi bà N sinh cháu Nguyễn Thị Tuyết Nhi được 1,5 tháng tuổi cho đến nay.

Căn cứ quy định tại các Điều 9, 11, 12, 13, 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, điểm c mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị N và ông La Thanh N là vợ chồng.

2.2. Về con chung: Như đã nêu trên, bà Nguyễn Thị N và ông La Thanh N có một người con chung là Nguyễn Thị Tuyết Nhi, sinh ngày 26/01/2007.

2.3. Về việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi Nguyễn Thị Tuyết Nhi: Do Nguyễn Thị Tuyết Nhi đã trưởng thành, bà Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án xem xét về việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi Nguyễn Thị Tuyết Nhi nên Tòa án không xem xét.

2.4. Về tài sản chung và nợ chung: Do bà Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

Từ những nhận xét trên, Tòa án chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị N.

[3] Về án phí:

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Bà Nguyễn Thị N phải chịu số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Khấu trừ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm mà bà Nguyễn Thị N phải chịu vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị N đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010561, ngày 11/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, bà Nguyễn Thị N không phải nộp thêm tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Ông La Thanh N không phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 266, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 9, 11, 12, 13, 14 và 91 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; điểm c mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Xử:

1- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị N và ông La Thanh N là vợ chồng.

2- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Do bà Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

3- Về án phí:

3.1. Bà Nguyễn Thị N phải chịu số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Khấu trừ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm mà bà Nguyễn Thị N phải chịu vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị N đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010561, ngày 11/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, bà Nguyễn Thị N không phải nộp thêm tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

3.2. Ông La Thanh N không phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4- Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị N có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án (15/5/2025); Ông La Thanh N có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được niêm yết, tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành, KG (khi án có hpl);
- UBND t/Minh Lương, h Châu Thành, t Kiên Giang (khi án có hpl);
- UBND xã Thới Quới, h Gò Quao, t Kiên Giang (khi án có hpl);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

